

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 04 - 4 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn  
và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Quang Minh.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Võ Đình Vang

và ông Trần Công Bằng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thùy Liên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình:***  
Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2023/QĐXX – ST ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị P, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Có mặt;

***2. Bị đơn:*** Anh Trương Văn S, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có Đơn xin xét xử mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trương Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 11 tháng 7 năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã cùng nhau sinh được 01 con chung. Cuộc sống vợ chồng duy trì được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột, không quan tâm đến vợ con. Đặc biệt là thời gian sau khi anh S đi làm ăn ở Miền Nam về, có lần anh S đã đánh đập chị trước mặt con. Bản thân chị đã tạo điều kiện để vợ chồng cùng nhau khắc phục nhưng tình trạng này vẫn không thay đổi. Từ đó cho đến nay vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung.

Xét tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục để hàn gắn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Quang S, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2020. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị P cam đoan có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, bảo đảm cho con phát triển bình thường.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2023, bị đơn anh Trương Văn S trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh thống nhất với trình bày của chị P về quan hệ vợ chồng và đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị P. Về con chung, anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Trương Quang S, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2020 đúng như chị P trình bày và đồng ý giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do điều kiện hiện tại anh không có việc làm tạo thu nhập ổn định nên cam kết sau này khi có thu nhập sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị P. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách là đúng pháp luật

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 40, 147, 228, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Trương Văn S; Về con chung: Giao con chung tên là Trương Quang S, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2020 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, tuyên quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không xem xét. Tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh S đều vắng mặt tại các phiên làm việc. Tuy nhiên, anh S đã có ý kiến đề nghị Tòa án không

tổ chức hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trương Văn S.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị P và anh Trương Văn S có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền vào năm 2019, vì vậy căn cứ vào các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp; khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự hiện đang cư trú tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Theo chị P trình bày: cuộc sống chung của vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ sau khi sinh con và đỉnh điểm là khi anh S đi làm ăn ở Miền Nam về, có lần anh S đã đánh chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ sống. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung cũng như hỗ trợ chăm sóc con chung. Theo lời khai của anh S thể hiện anh nhất trí theo yêu cầu ly hôn của chị P, nhưng không tham gia tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình nên mục đích hôn nhân không thể đạt được. Hiện tại, hai bên cũng không mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P, xử cho chị được ly hôn với anh Trương Văn S.

Về quan hệ con chung: Anh S, chị P đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Trương Quang S, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2020. Nguyên vọng của chị P mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh S nhất trí với nguyện vọng của chị P về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hiện tại, cháu S mới hơn 36 tháng tuổi, đang sống cùng với chị P, việc sinh hoạt và học tập đã ổn định; Chị P cam kết đủ khả năng cấp dưỡng để nuôi con trưởng thành; anh S không có nghề nghiệp tạo ra thu nhập ổn định. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị P để giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau khi ly hôn, nếu một trong các bên có liên quan có yêu cầu thì có quyền làm đơn đề nghị Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Chị P và anh S không ai có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét theo trình tự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Trương Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trương Quang S, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2020 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Xử buộc chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bô Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002669 ngày 27 tháng 12 năm 2022, chị P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- VKSND huyện Bô Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bô Trạch;
- UBND xã Thanh Trạch, huyện Bô Trạch;
- (GCNKH số 53/2019, ngày 11/7/2019)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Quang Minh**